

CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP BÌNH ĐỊNH

.....000.....

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA: CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP  
BÌNH ĐỊNH – CO.OPMART QUY NHƠN

Địa điểm: 07 Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn,  
tỉnh Bình Định



CHỦ DỰ ÁN

*Nguyễn Danh Nhân*

Quy Nhơn, tháng 6 năm 2024

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>1</b>
<b>DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT</b> .....	<b>4</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b> .....	<b>5</b>
<b>DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ</b> .....	<b>6</b>
<b>CHƯƠNG I</b> .....	<b>7</b>
<b>THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ</b> .....	<b>7</b>
1. TÊN CHỦ CƠ SỞ .....	7
2. TÊN CƠ SỞ .....	7
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	10
3.1. Công suất của Dự án đầu tư: .....	10
3.2. Công nghệ sản xuất, kinh doanh: .....	10
3.3. Sản phẩm của Dự án đầu tư.....	13
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ....	13
<b>CHƯƠNG II</b> .....	<b>16</b>
<b>SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>16</b>
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG .....	16
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
<b>CHƯƠNG III</b> .....	<b>19</b>
<b>KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	<b>19</b>
1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI .....	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	19
1.3. Xử lý nước thải sinh hoạt .....	20
2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI: .....	29
2.1. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ khu vực kinh doanh thực phẩm tươi sống: .....	29
2.2. Biện pháp giảm thiểu mùi và khí thải từ khu vực lưu trữ rác; khu vực xử lý nước thải .....	30
2.3. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ hoạt động nấu nướng của bếp ăn .....	30

2.4. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn vận chuyển – tiếp nhận hàng hóa và xe ra vào Công ty.....	30
<b>3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.....</b>	<b>30</b>
4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	31
5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN .....	33
6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH.....	33
7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC .....	39
8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SÀI GÒN CO.OP BÌNH ĐỊNH.....	40
<b>CHƯƠNG IV .....</b>	<b>42</b>
<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>42</b>
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	42
1.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải .....	42
1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải .....	43
1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:.....	43
1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải .....	43
1.2.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: .....	44
1.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường .....	44
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG: .....	44
2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung .....	44
2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	44
2.3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu: .....	45
2.3.1. Tiếng ồn.....	45
2.3.2. Độ rung.....	45
2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	45
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	45
4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI .....	45
<b>CHƯƠNG V .....</b>	<b>46</b>
<b>KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>46</b>
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	46
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải .....	47

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với chất thải rắn .....	47
5.4. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.....	47
<b>CHƯƠNG VI .....</b>	<b>48</b>
<b>CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>48</b>
1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	48
2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	48
<b>CHƯƠNG VII.....</b>	<b>49</b>
<b>KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....</b>	<b>49</b>
<b>CHƯƠNG VIII .....</b>	<b>50</b>
<b>CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....</b>	<b>50</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO.....</b>	<b>51</b>

## DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

### **B**

---

BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép

---

### **C**

---

COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn

---

### **G**

---

GPMB	Giải phóng mặt bằng
------	---------------------

---

### **H**

---

HTKT	Hạ tầng kỹ thuật
------	------------------

---

### **N**

---

NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
-------	-----------------------

---

### **K**

---

KDC	Khu dân cư
-----	------------

---

### **P, Q**

---

PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ-TTg	Quyết định - Thủ tướng
QL	Quốc lộ

---

### **T, U**

---

TT	Thông tư
TTg	Thủ tướng
TVGS	Tư vấn giám sát
UBND	Ủy ban nhân dân

---

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ ranh giới khu vực thực hiện Dự án .....	8
Bảng 1.2. Tiến độ thực hiện Dự án.....	10
Bảng 1.3. Bảng thống kê số liệu sử dụng nước tại Công ty các tháng trong năm 2023	14
Bảng 1.4. Các thiết bị đầu tư chủ yếu trong quá trình vận hành .....	14
Bảng 1.5. Danh mục hóa chất sử dụng tại Công ty .....	15
Bảng 2.1. Vị trí lấy mẫu môi trường nền khu vực thực hiện Dự án.....	17
Bảng 2.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh .....	17
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thoát nước thải .....	20
Bảng 3.4. Chủng loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty.....	31
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải .....	42

## DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Vị trí thực hiện Dự án trên bản đồ vệ tinh Google earth.....	8
Hình 1.2. Sơ đồ hoạt động kinh doanh của Cơ sở.....	12
Hình 1.3. Sơ đồ chế biến thực phẩm tại khu chế biến của Cơ sở.....	12
Hình 1.4. Sơ đồ chế biến thực phẩm chín của Cơ sở .....	13
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa .....	19
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải .....	20
Hình 3.3. Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại Công ty.....	21

## **CHƯƠNG I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

#### **1. TÊN CHỦ CƠ SỞ**

- Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định.
- Địa chỉ: 07 Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Danh Nhân.
- Chức vụ: Giám đốc;
- Điện thoại: 0563.521.198

#### **2. TÊN CƠ SỞ**

##### **CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP BÌNH ĐỊNH**

(Gọi tắt là Công ty hoặc Cơ sở)

Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Bình Định được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 30/10/2003. Đến ngày 01/10/2008 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4100506252 thành Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/10/2021.

Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định được UBND tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo số 195/GCN-UB ngày 30/9/2004 và quyết định số 898/QĐ-CTUB ngày 18/4/2005 của chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 195/GCN-UB ngày 30/9/2004 để thành lập Siêu thị tự chọn (nay gọi là Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định).

#### **➤ Địa điểm thực hiện Dự án đầu tư:**

- Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định có diện tích 3.574,45 m<sup>2</sup> nằm trong Trung tâm thương mại Quy Nhơn; với giới cận như sau:

- + Phía Bắc giáp: khu cho thuê của Trung tâm thương mại Quy Nhơn;
- + Phía Nam giáp: khu cho thuê của Trung tâm thương mại Quy Nhơn;
- + Phía Đông giáp: đường Nguyễn Tất Thành;
- + Phía Tây giáp: đường Lê Duẩn.





Hình 1.1. Vị trí thực hiện Dự án trên bản đồ vệ tinh Google earth

Bảng 1.1. Tọa độ ranh giới khu vực thực hiện Dự án

Tên mốc	Hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, KTT 108 <sup>0</sup> 15'	
	X (M)	Y (M)
R1	1.522.800	604.919
R2	1.522.800	604.882
R3	1.522.800	604.849
R4	1.522.777	604.849
R5	1.522.760	604.849
R6	1.522.763	604.867
R7	1.522.762	604.884
R8	1.522.762	604.900
R9	1.522.763	604.919
R10	1.522.785	604.918

(Nguồn: Bản đồ vệ tinh Google earth)

➤ Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 195/GCN-UB ngày 30/09/2004 của UBND tỉnh về việc cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho Công ty TNHH TM DV Sài Gòn – Bình Định.

- Quyết định số 898/QĐ-CTUB ngày 18/4/2005 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh, bổ sung Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 195/GCN-UB ngày 30/9/2004 cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Sài Gòn – Bình Định.

- Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Co.op Bình Định.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100506252 đăng ký lần đầu ngày 01/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/10/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

- Hợp đồng thuê mặt bằng kinh doanh tại Trung tâm thương mại Quy Nhơn số 03/PLHD/2023 ngày 03/01/2023. Các hạng mục công trình và tiến độ dự án trong giai đoạn hoạt động của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định

Tổng diện tích Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định hiện nay là 3.574,45 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích sàn thương mại là 3.155,95 m<sup>2</sup>, diện tích lối đi chung là 418,5 m<sup>2</sup> thuộc phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

➤ **Quy mô, thời gian hoạt động của Cơ sở:**

 **Quy mô**

- Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định hoạt động với quy mô 3.574,45 m<sup>2</sup>; trong đó bao gồm các khu thực phẩm tươi sống (rau củ quả, trái cây, thịt gia súc, gia cầm,...), thực phẩm công nghệ (gia vị, sữa các loại, nước giải khát, dầu, lương thực, thực phẩm,...), đồ dùng gia đình (nhựa, inox, kim loại, sành sứ, thủy tinh,...), hóa mỹ phẩm (chất tẩy rửa, chăm sóc da, chăm sóc tóc, chăm sóc răng miệng, giấy vệ sinh,...).

- Công ty TNHH MTV Co.op Bình Định được bố trí với đầy đủ các mặt hàng. Tổng số các mặt hàng đang kinh doanh khoảng 3.000 mặt hàng. Bao gồm các ngành hàng:

+ Ngành hàng thực phẩm tươi sống: luôn theo tiêu chí phục vụ nhanh và đáp ứng nhu cầu về giảm bớt thời gian cho người nội trợ. Các mặt hàng được chú trọng như thực phẩm sơ chế và tẩm ướp, chế biến nấu chín, rau an toàn và trái cây.

+ Ngành hàng thực phẩm công nghệ: luôn đầy đủ, đáp ứng từ nhu cầu nhỏ nhất của từng khách hàng. Những nhà cung cấp và đối tác chiến lược như Bibica, Vissan, Pepsi Co, Dầu Tường An, Vinamilk, đường Biên Hòa, bột ngọt Ajinomoto,... luôn đảm bảo cung cấp những mặt hàng thiết yếu phục vụ cho nhu cầu hàng ngày.

+ Ngành hàng hóa mỹ phẩm: nhiều chủng loại hàng hóa từ những nhà cung cấp hàng đầu như Unilever, P&G, Mỹ phẩm Sài Gòn, Mỹ Hảo,... gồm những sản phẩm như dầu gội, nước xả, bột giặt, xà bông, nước rửa chén,... Đặc biệt, là những mặt hàng phục vụ cho bà mẹ và trẻ em hay những thực phẩm chăm sóc chuyên biệt dành cho

nam giới... luôn được chú ý để có thể thông tin kịp thời giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn khi có nhu cầu.

+ Ngành hàng may mặc: các thương hiệu hàng đầu Việt Nam như Việt Tiến, Việt Thắng, An Phước,... và các sản phẩm may mặc nổi tiếng khác đều có mặt để đáp ứng nhu cầu ăn mặc đẹp ngày càng cao của khách hàng.

+ Ngành hàng đồ dùng: hàng hóa đa dạng trưng bày theo từng nhóm sản phẩm như đồ dùng gia đình, trang bị cho nhà bếp, thuận tiện cho việc mua sắm và lựa chọn của khách hàng với các thương hiệu nổi tiếng như HappyCook, nhôm Kim Hằng, pha lê Việt Tiệp, nhựa Phát Thành.

- Trong những ngày cao điểm, số lượng người vào Cơ sở khoảng 1.000 lượt người/ngày.

➤ **Thời điểm hoạt động: Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2003 cho tới nay.**

✚ **Tiến độ của Dự án:**

*Bảng 1.2. Tiến độ thực hiện Dự án*

STT	Hạng mục	Tiến độ
1	Xây dựng các hạng mục công trình	8/2003-11/2003
2	Đưa dự án vào hoạt động	12/2003

*(Nguồn: Quyết định số 898/QĐ-CTUB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ngày 18/04/2025)*

### **3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **3.1. Công suất của Dự án đầu tư:**

Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định hoạt động với tổng số lượng công nhân viên là 147 người, số lượng khách hàng vào Cơ sở khoảng 1.000 lượt người/ngày.

#### **3.2. Công nghệ sản xuất, kinh doanh:**

Do đặc trưng hoạt động của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định là siêu thị tự chọn, chúng tôi đưa ra quy trình vận hành của Cơ sở như sau:

- Hàng hóa được các nhà sản xuất và cung cấp trực tiếp tới Cơ sở. Hàng hóa sẽ được tiếp nhận tại sảnh nhập hàng.

- Hàng phi thực phẩm và hàng thực phẩm khô được cung cấp tới Cơ sở trong trạng thái đóng gói, đóng kiện hoàn chỉnh. Hàng thực phẩm cung cấp đến Công ty bằng xe đông lạnh, xe chuyên dụng.

- Những mặt hàng thực phẩm không cần qua chế biến được chuyển trực tiếp tới các tủ lạnh trong các gian bán hàng và tích trữ trong các kho lạnh với nhiệt độ thích hợp. Còn những thực phẩm trải qua chế biến được chuyển ngay sau khi nhận tới các

phòng kho lạnh có nhiệt độ âm thích hợp, sau đó sẽ được đưa dần vào theo nhu cầu của người mua tới gian chế biến và chuyển tới các tủ lạnh trong gian bán hàng.

- Việc chế biến thực phẩm như: hải sản, thịt, rau, bánh về cơ bản gồm có 02 công đoạn là chế biến và đóng bao bì. Cụ thể như sau:

+ Hải sản được phân loại, gói bao hoặc không gói bao tùy theo loại và chuyển tới các giá bán ướp đá đối với hải sản ướp lạnh hoặc tới bể cá đối với cá còn sống. Việc chế biến cơ bản là rửa sạch hoặc cắt chia miếng để gói bao (ví dụ như cá hồi, cá ngừ,...).

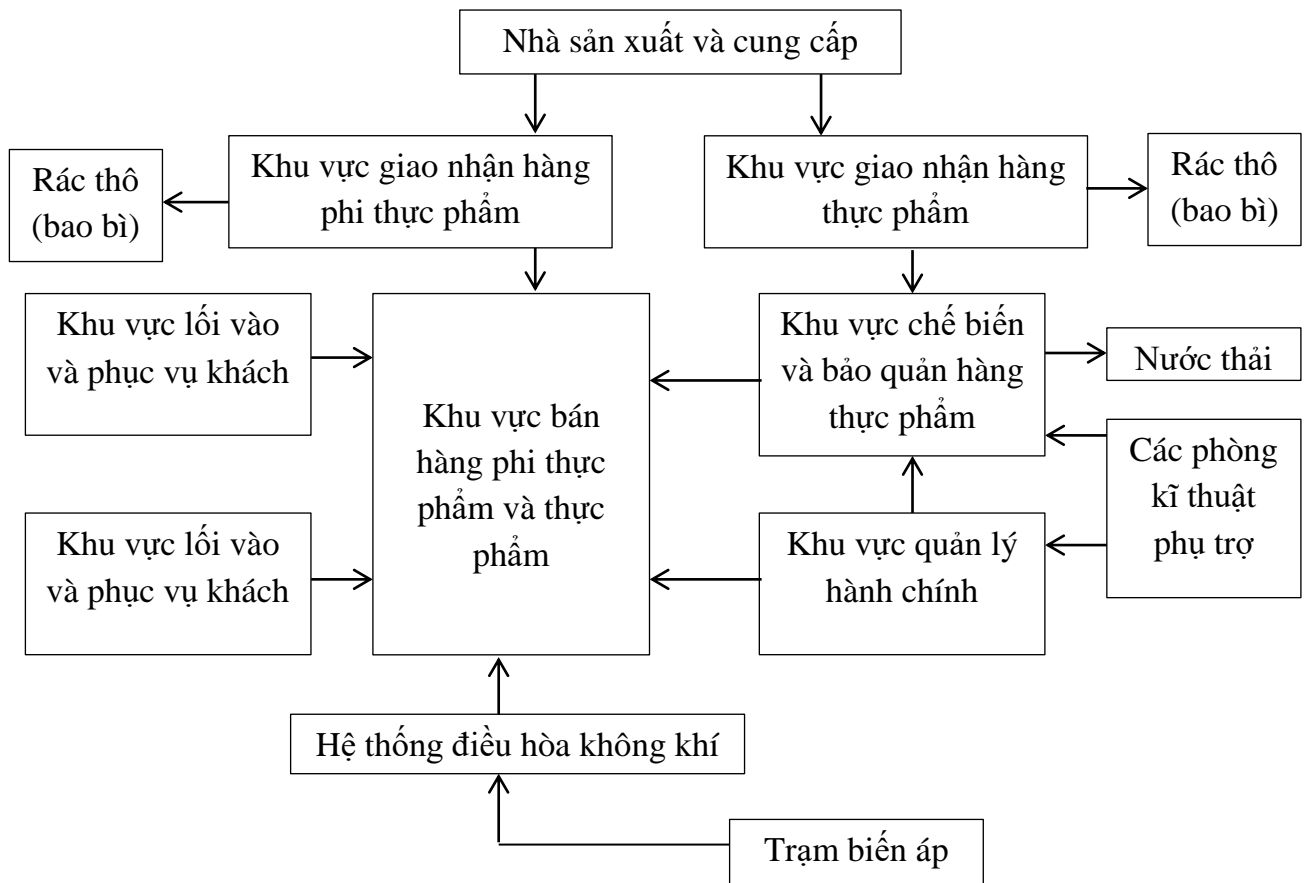
+ Thịt heo và gia cầm nguyên con, thịt bò nguyên miếng lớn được đưa từ kho lạnh vào gian chế biến. Việc chế biến cơ bản là cắt chia miếng, rửa sạch để gói bao trước khi đưa tới các tủ lạnh trong khu vực bán thịt.

+ Rau, củ, quả các loại được đưa từ kho lạnh tới khu chế biến. Rau, củ sẽ được rửa sạch, phân loại theo từng mặt hàng rồi được chuyển tới gian lạnh tại khu vực bán rau, củ, quả.

+ Bánh gồm bánh mì và bánh ngọt được chế biến từ bột mì, trứng, bơ trong cối trộn rồi đưa lên mặt bàn nặn hình để cho vào lò nướng bánh. Bánh nướng chín sẽ được chuyển ra kệ bán bánh sau khi được gói bao đối với bánh ngọt.

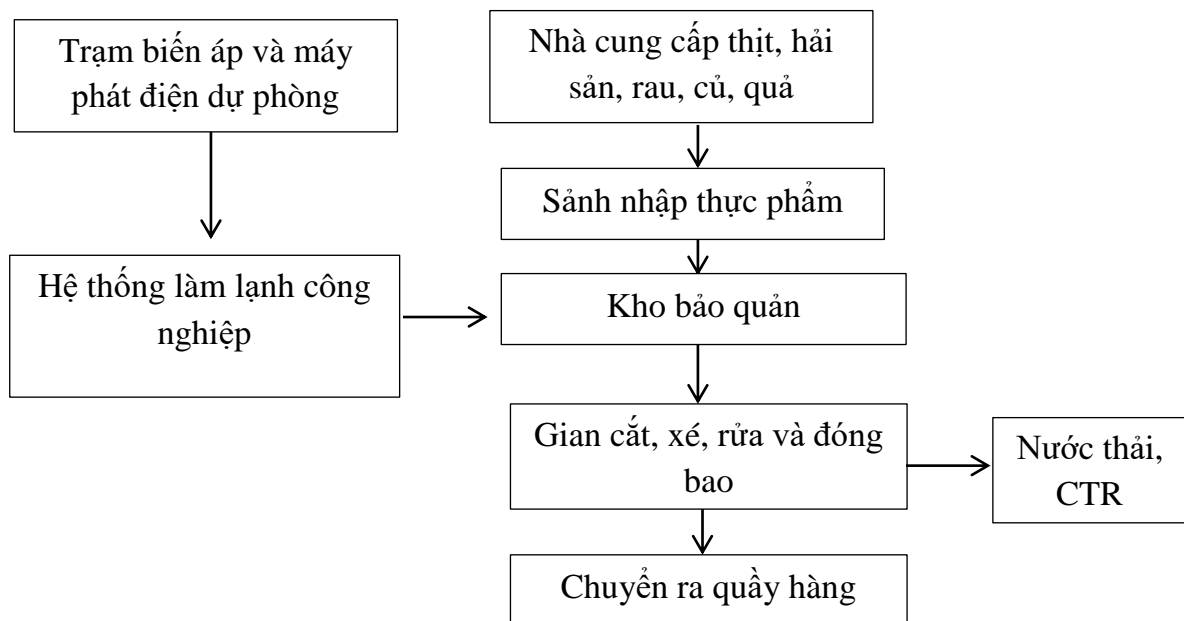
+ Khu vực lối vào và lối ra của khách hàng hoàn toàn cách ly với khu vực nhận hàng. Khách hàng mua hàng hóa (thực phẩm hay phi thực phẩm) theo một hệ thống tự phục vụ có sự trợ giúp của nhân viên bán hàng và các phương tiện xe chở hàng. Việc thanh toán được thực hiện tại lối ra bằng hệ thống máy tính tiền theo mã vạch.

➤ **Sơ đồ hoạt động kinh doanh của Cơ sở kèm theo dòng thải**



Hình 1.2. Sơ đồ hoạt động kinh doanh của Cơ sở

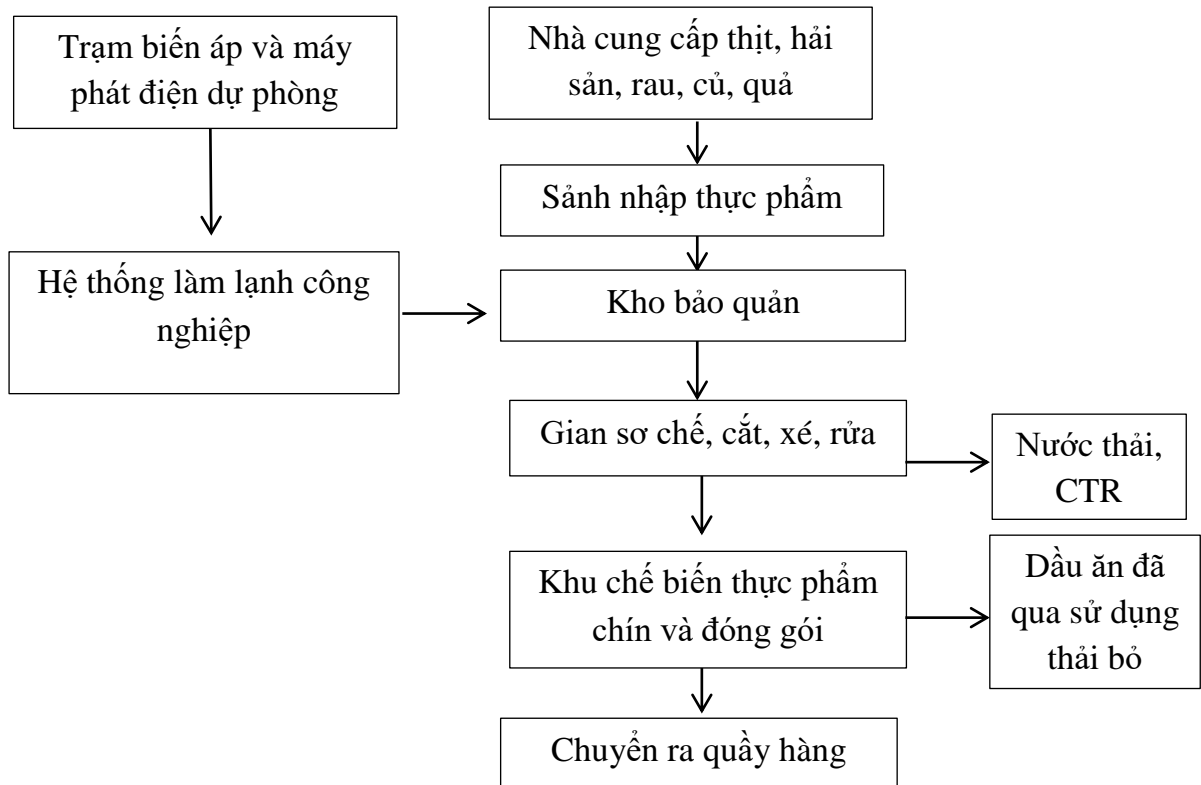
➤ **Sơ đồ chế biến thực phẩm tại khu chế biến của Cơ sở kèm theo dòng thải**



Hình 1.3. Sơ đồ chế biến thực phẩm tại khu chế biến của Cơ sở



➤ **Sơ đồ chế biến thực phẩm chín tại khu chế biến của Cơ sở kèm theo dòng thải**



Hình 1.4. Sơ đồ chế biến thực phẩm chín của Cơ sở

### 3.3. Sản phẩm của Dự án đầu tư

Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định được bố trí với đầy đủ các mặt hàng. Tổng số các mặt hàng kinh doanh khoảng 3.000 mặt hàng. Bao gồm các ngành hàng:

- Ngành hàng thực phẩm tươi sống;
- Ngành hàng thực phẩm công nghệ;
- Ngành hàng hóa mỹ phẩm;
- Ngành hàng may mặc;
- Ngành hàng đồ dùng.

## 4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

➤ **Nhu cầu sử dụng nước của Dự án đầu tư**

- Nguồn cấp nước: Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định chỉ sử dụng nước cấp từ hệ thống cấp nước của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định.

- Nguồn nước cấp được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại Cơ sở (cấp cho khu vực bếp ăn, khu chế biến thực phẩm và nước cấp cho vệ sinh sàn nhà) không bao gồm nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của nhân viên Công ty và khách đến mua sắm, vui chơi (lượng nước sinh hoạt này thuộc phần quản lý của Trung tâm thương mại Quy Nhơn).

- Nhu cầu sử dụng nước thực tế hiện nay:

Căn cứ theo hóa đơn tiền nước sử dụng hàng tháng tại Công ty, chúng tôi thống kê số liệu sử dụng nước như sau:

*Bảng 1.3. Bảng thống kê số liệu sử dụng nước tại Công ty các tháng trong năm 2023*

<b>Tháng</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>
Nhu cầu sử dụng nước (m <sup>3</sup> /tháng)	229	209	204	227	262	248	241	253	237	227	235	240

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định; chữ từ kèm theo phụ lục báo cáo)

- Như vậy, căn cứ vào số liệu sử dụng nước thực tế tại Công ty theo bảng 1.3 cho thấy lượng nước tiêu thụ trung bình tháng khoảng 234,3 m<sup>3</sup>/ tháng tương đương khoảng 7,8 m<sup>3</sup>/ngày. Lượng nước sử dụng của Công ty tại thời điểm lớn nhất khoảng 8,7 m<sup>3</sup>/ngày.

➤ **Danh mục máy móc phục vụ giai đoạn hoạt động của dự án**

Danh mục máy móc, thiết bị sẽ được thể hiện cụ thể qua các bảng sau:

*Bảng 1.4. Các thiết bị đầu tư chủ yếu trong quá trình vận hành*

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Xuất xứ</b>	<b>Tình trạng sử dụng</b>
1	Máy lạnh Daewoo	4	Việt Nam	85%
2	Máy lạnh Panasonic	1	Malaysia	85%
3	Máy lạnh Hitachi	5	Malaysia	85%
4	Máy lạnh Casset	3	Thái Lan	85%
5	Máy lạnh Trane	3	Thái Lan	85%
6	Tủ đông Autares	2	Ý	85%
7	Hệ thống tủ đông liên hoàn Anrneg	1	Hàn Quốc	85%
8	Tủ mát Anrneg 200SL	1	Hàn Quốc	85%
9	Tủ mát kính cong	2	Ý	85%
10	Tủ mát kính cong Dallas	1	Ý	85%
11	Tủ hâm nóng	4	Việt Nam	85%
12	Quạt chắn gió	7	Malaysia	85%
13	Hệ thống âm thanh	1	Việt Nam	85%
14	Hệ thống chống sét	1	Việt Nam	85%
15	Tủ bù hạ thế	1	Việt Nam	85%
16	Hệ thống khử mùi	1	Việt Nam	85%

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng
17	Hệ thống camera	1	Taiwan	85%
18	Ổ áp Hansin	1	Việt Nam	85%
19	Hệ thống kho đông, kho mát liên hoàn	3	Malaysia	85%
20	Hệ thống tủ điện	12	Việt Nam	85%
21	Hệ thống công tơ chống trộm	17	Việt Nam	85%
22	Lò quay gà	1	Việt nam	85%
23	Thiết bị lọc mỡ	5	Việt Nam	85%
24	Hệ thống dẫn ga	1	Việt Nam	85%
25	Hệ thống chống trộm	1	Việt Nam	85%
26	Quạt nước Kerulai	2	Thái Lan	85%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định)

➤ **Danh mục các loại hóa chất, nguyên nhiên liệu sử dụng**

*Bảng 1.5. Danh mục hóa chất sử dụng tại Công ty*

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng/tháng	Tổng khối lượng/năm
Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải				
1	Nước javen	lít/tháng	10	120

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định)



## **CHƯƠNG II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG**

- Dự án phù hợp với Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định.

- Theo Điều 22, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về phân vùng môi trường, Dự án Hoạt động kinh doanh siêu thị tự chọn của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định không thuộc các khu vực phân vùng môi trường bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; không ảnh hưởng đến nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt; không đi qua các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên....

#### **2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

- Để đánh giá sự phù hợp của Dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường, Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định đã phối hợp với Công ty TNHH KHCN và phân tích Môi trường Phương Nam tiến hành lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường hiện trạng.

+ Theo kết quả đo đạc, phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh thì môi trường không khí tại khu vực Dự án trong lành, chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

+ Bụi, khí thải trong quá trình hoạt động Dự án chủ yếu từ các phương tiện tham gia giao thông ra vào khu vực Dự án. Tuy nhiên, các tác động này diễn ra không cùng lúc, không liên tục. Do đó, tác động này cũng được chúng tôi đánh giá ở mức trung bình, không tác động đáng kể đến khả năng chịu tải của môi trường tại khu vực.

- Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) sau đó được đầu nối vào hố ga trước cổng ra vào số 07 đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom, phân loại và hợp đồng với các đơn vị chức năng hiện có trên địa bàn để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, không vứt rác bừa bãi ra môi trường gây ô nhiễm.

Do đó, dự án Hoạt động kinh doanh siêu thị tự chọn của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định đầu tư hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tại khu vực xây dựng dự án.

Vị trí lấy mẫu môi trường nền thể hiện theo bảng sau:

*Bảng 2.1. Vị trí lấy mẫu môi trường nền khu vực thực hiện Dự án*

TT	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ VN2000, múi 3 <sup>0</sup>
KK1	Không khí xung quanh	Khu vực trước cổng ra vào – Cổng mặt đường Nguyễn Tất Thành	X = 1.522.780 Y = 604.920
KK2		Khu vực giữa siêu thị Co.opmart Quy Nhơn	X = 1.522.783 Y = 604.891

*(Nguồn: Công ty TNHH KHCN và phân tích môi trường Phương Nam)*

❖ **Hiện trạng môi trường không khí**

– Thời điểm đo đạc: ngày 15/052024

*Bảng 2.2. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh*

STT	Vị trí kiểm tra – đo đạc	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
A	<i>KK1: Khu vực trước cổng ra vào – Cổng mặt đường Nguyễn Tất Thành</i>			
1	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	0,211	0,3
2	Độ ồn	dBA	61,3	≤70
3	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,087	0,35
4	CO	mg/m <sup>3</sup>	<8,3	30
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,075	0,2
B	<i>KK2: Khu vực giữa siêu thị Co.opmart Quy Nhơn</i>			
1	Bụi	mg/m <sup>3</sup>	0,152	0,3
2	Độ ồn	dBA	64,4	≤70
3	SO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,063	0,35
4	CO	mg/m <sup>3</sup>	<8,3	30
5	NO <sub>2</sub>	mg/m <sup>3</sup>	0,050	0,2

*(Nguồn: Công ty TNHH KHCN và phân tích môi trường Phương Nam)*

Ghi chú:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

*Nhận xét:* Từ bảng kết quả nhận thấy tất cả các chỉ tiêu trong môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đều đạt QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2023/BTNMT.

### CHƯƠNG III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các công trình bảo vệ môi trường, các hạng mục kiến trúc và đã đi vào hoạt động. Do đó, Chủ đầu tư xin báo cáo kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

### 1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

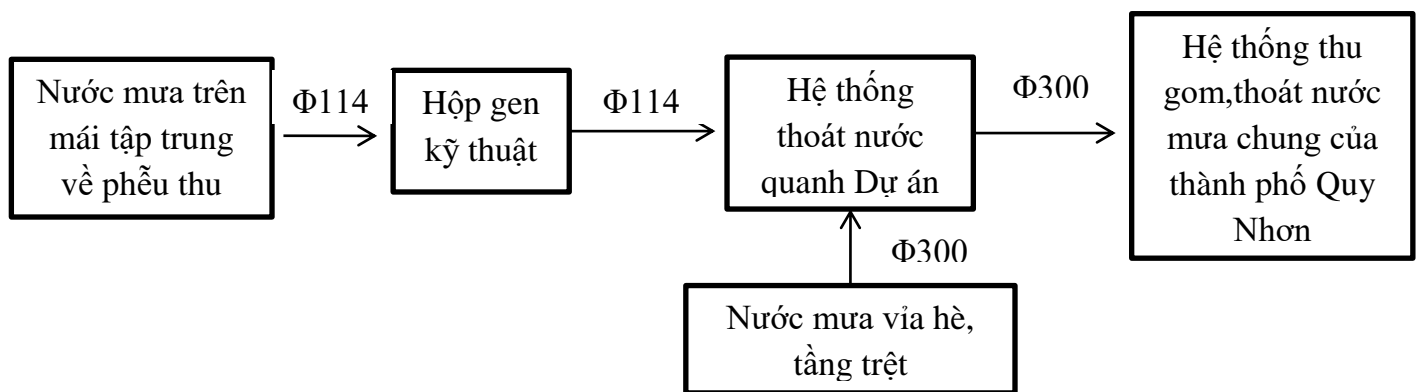
#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định thuê mặt bằng của Trung tâm thương mại Quy Nhơn do Công ty Cổ phần thương mại Hoàn Cầu làm chủ đầu tư, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống thu gom và thoát nước mưa đã được Công ty Cổ phần thương mại Hoàn Cầu đầu tư hoàn thiện và quản lý, hướng thu gom và thoát nước như sau:

- Đối với nước mưa trên mái được dẫn bằng hệ thống thoát nước riêng và thoát theo hệ trục hợp gen kỹ thuật dẫn xuống, thoát ra hố ga thu nước mưa ngoài dự án, sau đó đấu nối vào hố ga tuyến thoát nước chung của thành phố Quy Nhơn.

- Đối với nước mưa bên ngoài ở vỉa hè được thu gom về các miệng thu nước mưa trên các tuyến đường, sau đó đấu nối vào hố ga tuyến thoát nước chung của thành phố Quy Nhơn.

- Sơ đồ thu gom được thể hiện như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước mưa

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

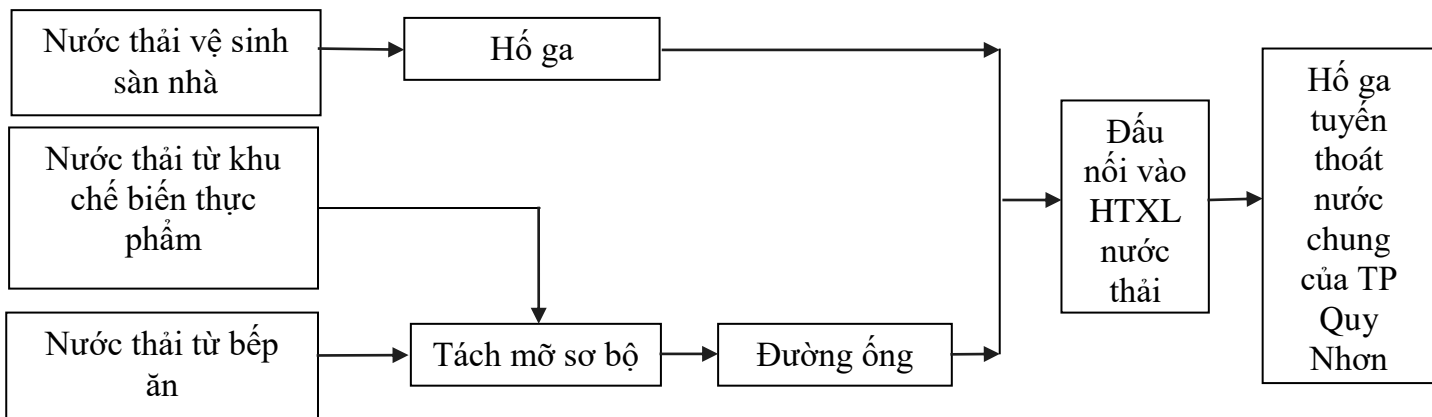
- Công trình thu gom nước thải: hệ thống thu gom nước thải của dự án là hệ thống thoát nước riêng biệt. Nước thải sau xử lý của Công ty được dẫn kết nối vào hố ga trước cổng ra vào số 07 đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn.

- Công trình xử lý nước thải: dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) sau đó theo đường ống thu gom thoát về hố ga trước cổng ra vào số 07 đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn Tọa độ điểm đầu nối vào hố ga tuyến thoát nước chung của thành phố Quy Nhơn như sau: X = 1.522.791; Y = 604.806.

*Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thoát nước thải*

STT	Hệ thống	Thông số
1	Ống PVC D114 dẫn nước thải	Ống bằng nhựa PVC Tuyến cống đầu nối về hệ thống xử lý nước thải Chiều dài: 100 m Kích thước: ống Φ114 (đường kính 114 mm)
2	Hố ga nước thải	Kết cấu bằng bê tông cốt thép Số lượng: 1 cái Kích thước: 600x600

- Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom nước thải của Cơ sở:



*Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải*

### 1.3. Xử lý nước thải sinh hoạt

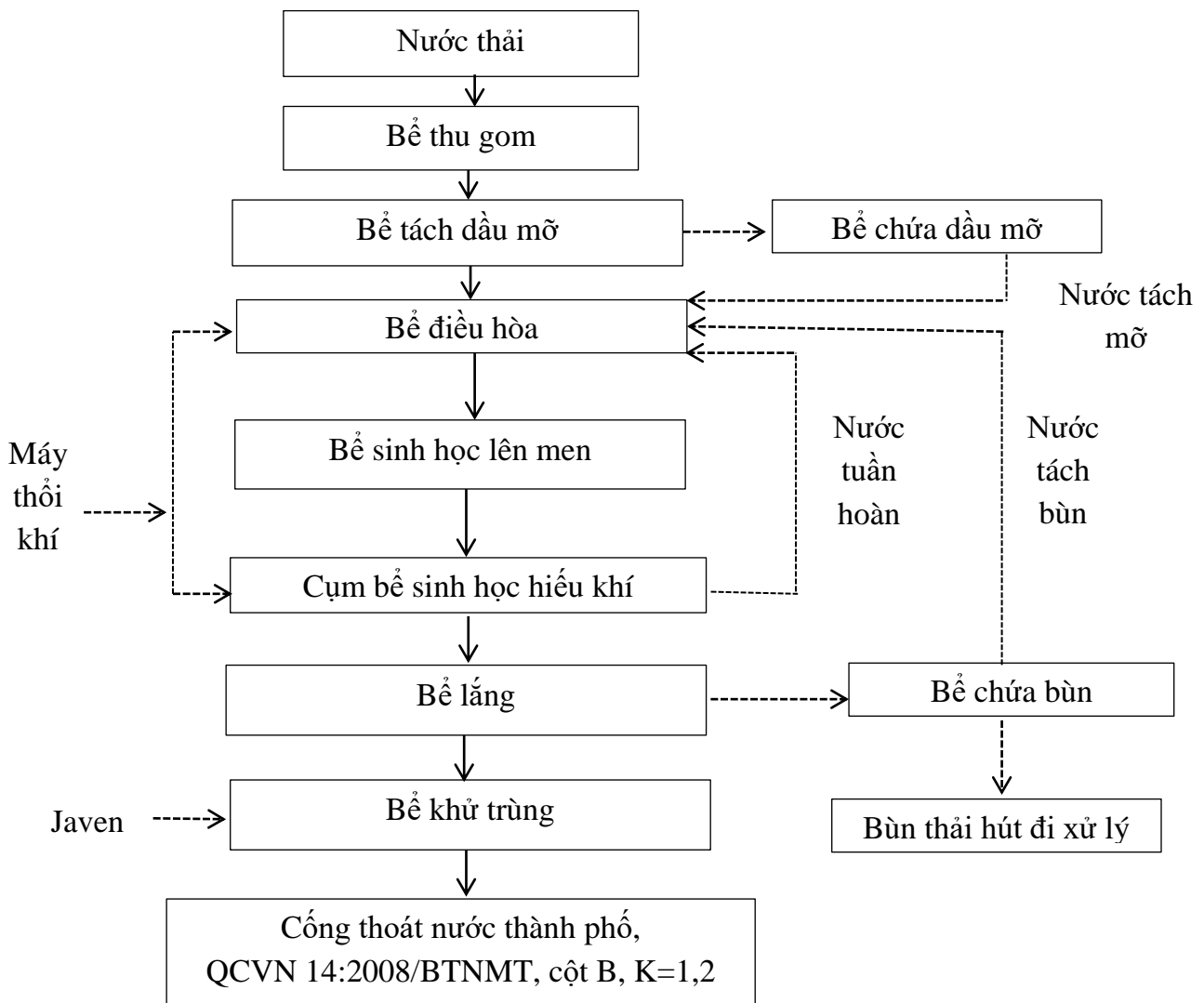
Công trình xử lý nước thải của Công ty: hệ thống xử lý nước thải 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

➤ **Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm**

- Chủ đầu tư đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty.

- Tiêu chuẩn áp dụng của nước thải sau xử lý: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải:



Hình 3.3. Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại Công ty  
Thuyết minh quy trình công nghệ

**🚧 Bể thu gom:**

Có nhiệm vụ thu gom toàn bộ nước thải phát sinh trong Cơ sở. Trước khi vào bể thu gom có bố trí hệ thống giỏ chắn rác thô để loại bỏ các cặn lớn có khả năng gây ảnh hưởng đến bơm trong bể. Bể gom có bố trí 01 bơm nhúng chìm để bơm nước qua bể tách mỡ.

**🚧 Bể tách dầu mỡ:**

Có nhiệm vụ loại bỏ mỡ thừa phát sinh trong quá trình nấu ăn, sơ chế thực phẩm của siêu thị. Bể tách mỡ được thiết kế 04 ngăn nhằm nâng cao hiệu quả tách mỡ trong bể. Sau khi nước thải được tách mỡ sẽ được dẫn vào bể điều hòa nước thải của HTXLNT.

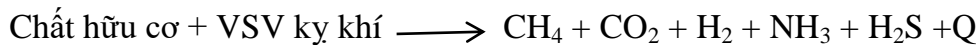
**🚧 Bể điều hòa:**

Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải. Do lưu lượng và tính chất của nước thải thay đổi theo nên việc điều hòa nước thải là rất cần thiết. Điều này

tránh gây sốc tải đối với vi sinh vật trong các bể sinh học cũng như giảm bớt sự cố vận hành hệ thống. Bên cạnh đó, việc ổn định lưu lượng và nồng độ chất thải trước khi xử lý còn giúp đơn giản hóa công nghệ, tăng hiệu quả xử lý và giảm diện tích các công trình đơn vị một cách đáng kể. Tại bể điều hòa có bố trí hệ thống sục khí để tránh quá trình kỵ khí sinh mùi hôi và lắp đặt 2 bơm nhúng chìm hoạt động luân phiên để bơm nước thải qua bể sinh học lên men.

#### **Bể lên men**

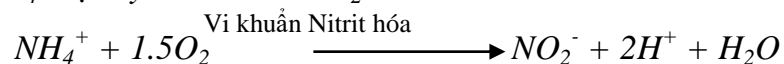
Nước thải được bơm qua bể lên men bằng 2 bơm chìm nước thải (hoạt động luân phiên), tại đây quá trình phân hủy tiếp xúc kỵ khí diễn ra. Quá trình phân hủy xảy ra trong bể kín với bùn tuần hoàn. Hỗn hợp bùn và nước thải trong bể được khuấy trộn hoàn toàn bằng 2 bơm chìm khuấy trộn. Giá thể Bio-Block gắn cố định trong bể tạo điều kiện thuận lợi cho vi khuẩn bám dính phân hủy các chất ô nhiễm. Trong điều kiện thiếu oxy và khuấy trộn liên tục các vi sinh vật kỵ khí hoạt động phân hủy các chất theo phương trình sau:



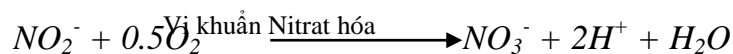
#### **Bể sinh học hiếu khí**

Hệ thống xử lý gồm có 3 bể hiếu khí tách biệt hoạt động nối tiếp. Trong các bể hiếu khí lắp đặt lớp giá thể vi sinh bám dính dạng cố định. Vi sinh bám dính trên lớp giá thể cố định giúp duy trì lượng vi sinh trong bể hiếu khí. Tại bể hiếu khí diễn ra quá trình xử lý chất hữu cơ và Nitrate hóa amonia được thực hiện bởi hệ vi sinh vật hiếu khí bám dính cố định trên các lớp giá thể. Quá trình nitrate hóa và tổng hợp sinh khối hiếu khí diễn ra trong bể hiếu khí theo các phản ứng như sau:

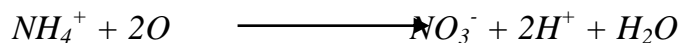
*Bước 1:  $\text{NH}_4^+$  bị ôxy hóa thành  $\text{NO}_2^-$  do các vi khuẩn **nitrit hóa***



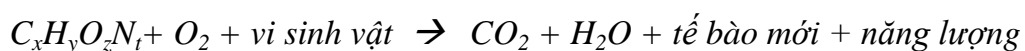
*Bước 2: Oxy hóa  $\text{NO}_2^-$  thành  $\text{NO}_3^-$  do các vi khuẩn **nitrat hóa***



*Tổng hợp quá trình chuyển hóa  $\text{NH}_4^+$  thành  $\text{NO}_3^-$*



*Phản ứng tổng hợp thành sinh khối được viết như sau:*



$\text{C}_x\text{H}_y\text{O}_z\text{N}_t$ : là công thức biểu diễn tế bào vi sinh vật được hình thành.

Không khí được cấp liên tục từ 02 máy thổi khí vào các bể để tạo môi trường hiếu khí. Trong bể hiếu khí số 3 lắp đặt 01 bơm chìm để tuần hoàn một phần nước thải về bể điều hòa nhằm cung cấp nitrate cho bể lên men, một phần nước thải còn lại tuần

hoàn về các bể hiếu khí 1 và 2. Nước thải từ bể hiếu khí số 3 theo ống thông chảy sang bể lắng.

**✚ Bể lắng**

Bể lắng có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính đã xử lý trong bể hiếu khí. Tại đây, các bùn vi sinh và cặn có trong nước thải được lắng xuống đáy, nước sau khi lắng được chảy qua bể khử trùng. Bùn từ bể lắng sẽ được rút về bể chứa bùn bằng máy bơm bùn.

**✚ Bể khử trùng:**

Tại đây, hóa chất khử trùng được châm vào để tiêu diệt hết các vi trùng, vi khuẩn gây bệnh có trong nước thải trước khi ra khỏi môi trường như E.Coli, Coliforms,...

**✚ Bể chứa bùn:**

- Quá trình xử lý phát sinh lượng bùn từ quá trình xử lý sinh học. Lượng bùn này được dẫn vào bể chứa bùn để ổn định và thành phần nước tách bùn sẽ được dẫn lại bể điều hòa.

- Lượng bùn thải của bể bùn được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và mang đi xử lý.

- Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, k=1,2) sau đó theo đường ống được đấu nối vào hố ga tuyên thoát nước chung của thành phố Quy Nhơn.

**➤ Danh mục máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải**

*Bảng 3.2. Danh sách thiết bị của hệ thống xử lý nước thải*

STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	XUẤT XỨ
1	Bơm chìm nước thải tại bể điều hòa	- Model: CN40T; - Loại: bơm chìm; - Công suất: 0,25 kW; - Lưu lượng: 5 m <sup>3</sup> /h; - Cột áp: 3 mH <sub>2</sub> O; - Điện áp: 380V/3ph/50Hz;	Cái	2	Nhật Bản
2	Bơm khuấy trộn bùn và nước thải tại bể lên men	- Model: CN501; - Loại: bơm chìm; - Công suất: 0,75 kW; - Lưu lượng: 20 m <sup>3</sup> /h; - Cột áp: 3 mH <sub>2</sub> O; - Điện áp: 380V/3ph/50Hz;	Cái	2	Nhật Bản
3	Bơm tuần hoàn bùn	- Model: CN40T; - Công suất: 0,25 kW; - Lưu lượng: 4 m <sup>3</sup> /h; - Cột áp: 3 mH <sub>2</sub> O;	Cái	1	Việt Nam



STT	TÊN THIẾT BỊ	THÔNG SỐ THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	XUẤT XỨ
		- Điện áp: 380V/3ph/50Hz;			
4	Máy thổi khí	- Model: ARS50; - Công suất: 3,7 kW; - Lưu lượng: 2,1 m <sup>3</sup> /ph; - Cột áp: 3 mH <sub>2</sub> O; - Điện áp: 380V/3ph/50Hz;	Cái	2	Nhật Bản
5	Bơm bùn nước thải	- Model: CN40T; - Công suất: 0,25 kW; - Lưu lượng: 3 m <sup>3</sup> /h; - Cột áp: 3,5 mH <sub>2</sub> O; - Điện áp: 380V/3ph/50Hz;	Cái	1	Nhật Bản
6	Bơm định lượng	- Model: C-645P; - Lưu lượng: 11,5 L/h; - Cột áp: 5,6kg/Cm2; - Điện áp: 380V/3ph/50Hz;	Cái	2	Mỹ

➤ **Thông số thiết kế của hệ thống XLNT**

*Bảng 3.3. Thông số thiết kế của hệ thống xử lý nước thải*

<b>HỒ THU</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị
Thời gian lưu nước		T	Giờ	1,6
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	2
	Chiều rộng	B	M	0,6
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,7
Thể tích hồ thu gom		W <sub>t</sub>	m <sup>3</sup>	3,24
Kết cấu xây dựng		Đáy, tường, nắp bể xây dựng bằng bê tông cốt thép		
<b>BỂ ĐIỀU HÒA</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị
Thời gian lưu nước		T	Giờ	5,93
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	2,6
	Chiều rộng	B	M	1,9
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,5

Thể tích bể điều hòa		$W_t$	$m^3$	12,35
Kết cấu xây dựng		Đáy, tường, nắp bể xây dựng bằng bê tông cốt thép		
<b>BỂ LÊN MEN</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị
Thời gian lưu nước		T	Giờ	4,68
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	2,6
	Chiều rộng	B	M	1,5
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,5
Thể tích bể lên men		$W_t$	$m^3$	9,75
Kết cấu xây dựng		Đáy, tường, nắp bể xây dựng bằng bê tông cốt thép		
<b>BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị
Thời gian lưu nước		T	Giờ	15,1
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	7,0
	Chiều rộng	B	M	1,8
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,5
Thể tích bể sinh học hiếu khí		$W_t$	$m^3$	31,5
Kết cấu xây dựng		Đáy, tường, nắp bể xây dựng bằng bê tông cốt thép		
<b>BỂ LẮNG</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị
Thời gian lưu nước		T	Giờ	3,24
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	1,8
	Chiều rộng	B	M	1,5
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,5
Thể tích bể lắng		$W_t$	$m^3$	6,75
<b>BỂ KHỬ TRÙNG</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị

Thời gian lưu nước		T	Giờ	1,3
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	1,8
	Chiều rộng	B	M	0,6
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,5
Thể tích bể khử trùng		$W_t$	$m^3$	2,7
<b>BỂ CHỨA BÙN</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	1,8
	Chiều rộng	B	M	0,7
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,5
Thể tích bể chứa bùn		$W_t$	$m^3$	3,15
<b>BỂ TÁCH DẦU MỠ</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	1,8
	Chiều rộng	B	M	0,7
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,5
Thể tích bể tách dầu mỡ		$W_t$	$m^3$	3,15
<b>BỂ CHỨA DẦU MỠ</b>				
Thông số		Kí hiệu	Đơn vị	Giá trị
Kích thước bể	Chiều dài	L	M	1,8
	Chiều rộng	B	M	0,8
	Chiều cao hữu ích	H	M	2,5
Thể tích bể chứa dầu mỡ		$W_t$	$m^3$	3,6

➤ **Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải**

- Người vận hành cần kiểm tra các thiết bị trong hệ thống và phải chắc chắn các thiết bị vẫn hoạt động bình thường, cụ thể:

- + Kiểm tra các role, cầu chì trong tủ điều khiển: bảo đảm các thiết bị này vẫn hoạt động bình thường, không có hiện tượng cháy, nổ.
- + Kiểm tra sự vận hành của van (mở hoặc đóng) của bơm, của máy thổi khí.
- + Kiểm tra điện cấp cho hệ thống.

+ Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.

- Khởi động hệ thống: sau khi kiểm tra và cấp nguồn, người vận hành bắt đầu khởi động các thiết bị điều khiển hệ thống. Nhấn nút START/STOP tương ứng từng bơm để bơm chạy/dừng.

- Kiểm soát bảo trì:

+ Việc kiểm soát vận hành hàng ngày và bảo trì thiết bị của hệ thống xử lý nước rất quan trọng. Thực hiện bảo trì theo loại thiết bị hay theo cấp độ, điều này tùy thuộc vào mức độ ưu tiên bảo trì của từng thiết bị và dụng cụ. Một hư hỏng nhỏ về cơ khí cũng làm giảm khả năng xử lý hay thậm chí còn ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hệ thống. Một hệ thống chạy tự động cũng không ngoại lệ; do đó việc kiểm soát vận hành hàng ngày và bảo trì thiết bị đòi hỏi phải chính xác và có kiến thức đầy đủ về khả năng vận hành và giới hạn của hệ thống.

+ Chuẩn bị một bảng tập trung những điểm chính cần kiểm tra trước khi thực hiện việc bảo trì và thiết lập tiêu chuẩn để kiểm soát bảo trì hệ thống dựa trên những số liệu báo cáo theo dõi hằng ngày.

+ Đối với những hạng mục mà khi kiểm tra buộc phải dừng hệ thống thì ta cần phải xem xét tính cần thiết của việc kiểm soát vận hành hàng ngày và xây dựng kế hoạch cho việc kiểm tra hằng ngày đối với những thiết bị đó.

➤ **Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải:**

Hóa chất sử dụng để khử trùng nước thải là Javen. Theo tính toán thực tế tại Dự án thì khối lượng Javen dùng để khử trùng cho toàn công trình là khoảng 10 lít/tháng.

➤ **Định mức tiêu hao điện:**

Định mức tiêu hao điện để vận hành hệ thống xử lý nước thải là khoảng 900 – 1.350 kW/tháng.

➤ **Tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý:**

Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1,2.



Vị trí các bể của HTXLNT



Đồng hồ đo lưu lượng nước thải



Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải

➤ ***Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố***

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đường ống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải, thường xuyên kiểm tra và giám sát các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở với các thông số kỹ thuật.

- Đối với sự cố trong hệ thống xử lý nước thải: sử dụng tín hiệu báo sự cố khi có sự cố xảy ra, sử dụng bơm nước thải dự phòng khi bị cháy bơm, tính toán thể tích lưu chứa phù hợp với lưu lượng nước thải phát sinh để đảm bảo khả năng lưu chứa,... Áp dụng công nghệ xử lý sinh học với thời gian lưu nước đủ dài để có thể khắc phục sự cố

có khả năng xảy ra. Trường hợp nước thải không đạt tiêu chuẩn xả thải hoặc sự cố kỹ thuật bên trong, sẽ thông báo ngay đến đơn vị chuyên môn để được hướng dẫn phương án khắc phục hoặc trực tiếp xử lý. Tiến hành đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo xử lý đạt yêu cầu trước khi xả ra môi trường.

## **2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:**

Trong quá trình hoạt động của Công ty có phát sinh khí thải, mùi hôi từ các khu vực kinh doanh thực phẩm tươi sống; mùi và khí thải từ khu vực lưu trữ rác, khu vực xử lý nước thải; khí thải từ hoạt động nấu nướng của bếp ăn; bụi, khí thải từ công đoạn vận chuyển – tiếp nhận hàng hóa và xe ra vào Công ty... Chủ đầu tư đề ra các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm như sau:

### **2.1. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ khu vực kinh doanh thực phẩm tươi sống:**

Đây là một nguồn ô nhiễm không gây tác hại nghiêm trọng đến con người, nhưng mùi hôi, tanh sẽ gây khó chịu đối với khách hàng và lan đến các khu vực kinh doanh khác (hàng mỹ phẩm, may mặc,...). Do vậy, trong quá trình thiết kế, Chủ cơ sở quan tâm đến việc tối ưu hóa hệ thống thông gió và điều hòa không khí. Hệ thống điều hòa được thiết kế nhằm tạo ra môi trường không khí thích hợp với tính năng riêng của từng khu vực Công ty. Hệ thống điều hòa không khí và thông gió được sử dụng đảm bảo tiêu chí cơ bản sau:

- Lắp đặt các loại máy hiện đại, ít tiêu hao dung môi; các máy có nhãn sinh thái (như Non CFC, CFC free, Ozone friendly) đảm bảo không xả thải các khí gây phá hủy tầng ozone.

- Siêu thị áp dụng tối đa biện pháp thoáng khí tự nhiên nhằm giảm công suất hoạt động của hệ thống điều hòa.

- Đảm bảo thông số nhiệt độ, độ ẩm trong Công ty theo tiêu chuẩn dịch vụ kỹ thuật cung cấp cho công trình (các thông số này được kiểm soát riêng biệt tùy theo yêu cầu của từng khu vực, từng thời điểm nhưng có thể kết nối nếu cần thiết).

- Lượng không khí sạch cung cấp cho hệ thống điều hòa không khí đảm bảo mức tối thiểu lớn hơn  $19 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{người}$ , theo từng nhóm khu vực thông gió, phối hợp với phương pháp thông gió tự nhiên để giảm thiểu chi phí đầu tư và năng lượng điện tiêu thụ. Hệ thống hút khí thải riêng lẻ đảm bảo sự trao đổi không khí được duy trì theo các tiêu chuẩn về thông gió để đảm bảo thông thoáng khu vực.

- Các thiết bị của hệ thống có độ tin cậy cao, vận hành đơn giản, thuận tiện khi bảo dưỡng và sửa chữa. Toàn bộ hệ thống được thiết kế lắp đặt không thay đổi nhiều đến kiến trúc công trình, hệ thống có độ ồn thấp và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

## **2.2. Biện pháp giảm thiểu mùi và khí thải từ khu vực lưu trữ rác; khu vực xử lý nước thải**

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh tại Công ty. Các thùng chứa chất thải rắn chờ thu gom có trang bị nắp đậy kín và thường xuyên được vệ sinh sạch.
- Thực hiện che chắn cẩn thận tại khu vực lưu trữ rác thải tránh phát tán mùi và rác thải ra khu vực xung quanh.
- Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn rác, tránh tình trạng rác làm bít miệng cống và làm tắc đường ống.
- Thường xuyên nạo vét các hố ga.
- Hệ thống xử lý nước thải được vận hành thường xuyên và đảm bảo đạt tiêu chuẩn xả thải để tránh tình trạng gây mùi hôi.
- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được hợp đồng đơn vị thu gom đến thu gom định kỳ.

## **2.3. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ hoạt động nấu nướng của bếp ăn**

Tuy mức độ tác động của các khí thải dạng này là không đáng kể nhưng với mục đích tạo tối đa sự thoải mái cho khách hàng, Công ty kiểm soát và giảm thiểu tác động bằng cách bố trí các lam gió, cửa sổ để thông gió tự nhiên và các thiết bị hút khói đặt ở các vị trí thích hợp trong nhà bếp.

## **2.4. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn vận chuyển – tiếp nhận hàng hóa và xe ra vào Công ty**

- Các phương tiện vận chuyển hàng hóa ra vào Công ty tuân thủ theo thời gian quy định, tránh vận chuyển ra vào Công ty vào các giờ mua sắm đông đúc.
- Đảm bảo việc duy tu, bảo trì sao cho tuyến đường trong Công ty luôn đạt chất lượng tốt. Thường xuyên vệ sinh sân bãi và đường giao thông nội bộ để giảm thiểu sự phát tán bụi.

## **3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG**

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Toàn bộ lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở được tiến hành phân loại tại nguồn trước khi chuyển giao cho đơn vị thu gom có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh theo số liệu thống kê thực tế tại Công ty như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng</b>
------------	----------------------	-------------------

1	Chất thải rắn sinh hoạt	26 m <sup>3</sup> /năm
2	Bùn thải	4 m <sup>3</sup> /năm
3	Phế liệu	233 tấn/năm

➤ **Đối với chất thải rắn sinh hoạt (chất thải rắn thực phẩm và không tái chế được):**

- Thành lập đội vệ sinh của Công ty có nhiệm vụ chính là thu gom rác, quét dọn, lau chùi sàn, đảm bảo cảnh quan Công ty sạch đẹp, không có rác thải và mùi hôi.

- Đặt các thùng rác dung tích 12 lít tại khu vực lối đi, quầy hàng ăn uống, cổng ra vào,... để trong quá trình mua sắm, ăn uống trong Công ty khách hàng thuận tiện vứt rác đúng nơi quy định. Các thùng rác có nắp đậy và được dọn rửa sạch sẽ.

- Rác rơi vãi được các công nhân đội vệ sinh quét dọn liên tục trong ngày, tập trung vào các thùng rác.

- Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại Công ty sẽ được bàn giao cho Công ty Cổ phần Thương mại Hoàn Cầu (chủ đầu tư của Trung tâm Thương mại Quy Nhơn) tiếp nhận và chịu trách nhiệm quản lý, thuê đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn) vận chuyển và xử lý.

- Hằng ngày đội vệ sinh sẽ thu gom để đưa thùng rác về vị trí tập kết rác chung của Trung tâm Thương mại Quy Nhơn.

➤ **Chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm: thùng carton, bao bì nilon... Những chất thải này không dính các thành phần nguy hại được Cơ sở thu gom, phân loại vào cuối mỗi ngày sau đó đưa về khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường để lưu chứa.

- Cơ sở đã bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 10m<sup>2</sup> có nền tráng xi măng, mái che bằng ngói, cửa ra vào.

- Công ty hợp đồng với hộ kinh doanh thu mua phế liệu Huỳnh Thị Thanh Thủy để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với lượng bùn thải phát sinh tại dự án, Công ty sẽ hợp đồng với Công ty TNHH TM và MT Hậu Sanh để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

#### **4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

- Với loại hình hoạt động của Công ty thì chất thải rắn chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt, số lượng chất thải nguy hại phát sinh chỉ chiếm một phần nhỏ như bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, dầu thải, vật dụng dính dầu mỡ, mực in,... Theo thống kê thực tế tại Công ty thì khối lượng CTNH phát sinh khoảng 46,5 kg/năm. Trong đó, thành phần và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thống kê qua bảng sau:

*Bảng 3.4. Chủng loại và khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty*



STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 12
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	40,5	16 01 06
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	1	17 02 03
	<b>Tổng cộng</b>		<b>46,5</b>	

- Thiết bị lưu giữ: thực hiện phân loại và bố trí các thiết bị lưu chứa CTNH với dung tích 240 lít; các thùng có nắp đậy, chất liệu nhựa cứng, màu xanh, có dán nhãn nhận biết (mã CTNH và biểu tượng cho từng loại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu chứa: xây dựng 01 khu vực lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 7m<sup>2</sup>, tường xi măng, nền bê tông chống thấm, mái ngói, có biển cảnh báo đảm bảo theo quy định và bố trí trang thiết bị ứng phó sự cố môi trường.

- Ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị thành phố Hồ Chí Minh.



Khu vực chứa chất thải nguy hại

## 5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN

Loại hình hoạt động của Cơ sở là thương mại, dịch vụ nên không có sử dụng các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn. Tiếng ồn và độ rung phát sinh tại siêu thị chủ yếu từ hoạt động của khách hàng đến mua sắm. Việc phát sinh tiếng ồn và độ rung từ đối tượng này là điều khó tránh khỏi và khó kiểm soát nhưng ở mức độ thấp bên cạnh đó sự tham gia của các phương tiện giao thông vận tải ra vào Cơ sở cũng làm phát sinh tiếng ồn và độ rung nhưng cũng ở mức độ thấp.

### ➤ *Đối với tiếng ồn và độ rung từ các phương tiện giao thông*

Mật độ lưu thông các phương tiện vào sân bãi nội bộ của Cơ sở không nhiều, chưa gây tác động đáng kể lên môi trường và con người trong khu vực. Ngoài những người trực tiếp làm việc tại bãi giữ xe của Cơ sở thường xuyên tiếp xúc với tiếng ồn nên có thể sẽ bị tác động bởi tiếng ồn và độ rung từ nguồn này. Cơ sở cũng áp dụng các biện pháp để hạn chế đến mức thấp nhất tác động của các nguồn ồn này, cụ thể như sau:

- Tổ chức, bố trí nhân viên sắp xếp chỗ để xe trật tự cho khách hàng tại khu vực bãi giữ xe của Cơ sở. Các xe cần giảm tốc độ đi với tốc độ chậm.

- Tắt máy trong quá trình giao nhận vật tư.

- Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của Cơ sở, Cơ sở tiến hành kiểm tra thường xuyên và bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung phát ra của các phương tiện này.

### ➤ *Các biện pháp giảm thiểu khác*

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết bào mòn.

## 6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH

### ➤ *Sự cố của hệ thống thu gom, xử lý nước thải*

#### *Vận hành thương mại*

- Thường xuyên kiểm tra và giám sát các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải của Dự án với các thông số kỹ thuật như: chiều cao mực nước thải, độ dày lượng bùn lắng, các phụ kiện lắp đặt đi cùng hệ thống này, kiểm tra chế độ vận hành theo đúng thiết kế, sửa chữa kịp thời khi có sự cố.

- Công nhân vận hành thiết bị được đào tạo cơ bản, đúng tay nghề và có kiến thức về xử lý sự cố.

- Có sổ nhật ký vận hành hệ thống XLNT để tiện theo dõi.

*Khi có sự cố xảy ra:*

- Đối với sự cố vỡ đường ống dẫn nước thải: nhân viên vận hành hệ thống sẽ kiểm tra các hố ga và khu vực bị ứ đọng nước thải gây mùi hôi để kịp thời phát hiện, sửa chữa.

- Đối với sự cố trong hệ thống xử lý nước thải: sử dụng tín hiệu báo sự cố khi có sự cố xảy ra, sử dụng bơm nước thải dự phòng khi bị cháy bơm, thể tích lưu chứa phù hợp với lưu lượng nước thải phát sinh để đảm bảo khả năng lưu chứa,...Áp dụng công nghệ xử lý sinh học với thời gian lưu nước đủ dài để có thể khắc phục sự cố có khả năng xảy ra.

- Để đảm bảo nước thải luôn đạt tiêu chuẩn xả thải và hạn chế các sự cố kỹ thuật bên trong, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố như sau:

TT	Hạng mục	Phòng ngừa	Dấu hiệu sự cố	Ứng phó sự cố
1	Máy thổi khí	Định kỳ kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng	Động cơ nóng: - Quá tải - Nguồn điện không ổn định	- Điều chỉnh áp suất ra - Cải thiện thiết bị cung cấp điện
			Tiếng ồn lạ: - Cánh quạt làm mát bị kẹt dị vật - Bệ đỡ không vững - Bánh răng bị kẹt dị vật	- Ngưng máy và vệ sinh cánh quạt - Gia cố bệ đỡ - Ngưng máy và vệ sinh bánh răng
			Lưu lượng cấp vào bể ít: - Rò rỉ khí trên đường ống - Ống giảm ồn bị nghẹt - Áp suất tăng không bình thường	- Kiểm tra đường ống khí - Thay thế hay làm sạch ống giảm ồn - Chỉnh lại, rửa sạch chốt cho bạc đạn
2	Máy bơm	Định kỳ kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng.	Bơm không khởi động hay vừa chạy thì bơm tắt - Chưa cấp nguồn điện - Mất pha - Bơm bị kẹt rác	- Cấp nguồn điện - Kiểm tra nối dây - Kiểm tra và vệ sinh bơm
			Bơm chạy nhưng không có nước: - Lưới chắn rác tại đầu hút của bơm bị vướng rác	- Vệ sinh lưới chắn rác tại đầu hút của bơm - Để van ở vị trí lớn

TT	Hạng mục	Phòng ngừa	Dấu hiệu sự cố	Ứng phó sự cố
			- Van chưa mở hoặc chỉ mở một phần	nhất
3	Sụt lún nứt vỡ đường ống nước	Kiểm tra định kỳ các đoạn ống xung yếu, tiến hành gia cố các đoạn ống có nguy cơ nứt vỡ.	- Rò rỉ nước - Hóa đơn nước tăng đột biến	- Kiểm tra các hố ga và khu vực bị ú đọng nước thải gây mùi hôi để kịp xử lý - Rà sát khu vực bị rò rỉ và tạm ngưng hoạt động của hệ thống
4	Đường ống cấp, thoát nước	- Khơi thông cống rãnh, nạo vét định kỳ - Thường xuyên quét dọn mặt đường, dọn rác các khu vực xung quanh	- Nước chảy chậm hoặc không chảy - Xuất hiện mùi hôi thối quanh khu vực thoát nước - Nước thoát theo các dòng xoáy nhỏ	- Sử dụng dung dịch thông cống để phân hủy các vật rắn chuyển thành dạng lỏng - Kiểm tra các rãnh thoát nước, sử dụng các thanh móc để vớt rác thải
5	Bùn vi sinh	Thường xuyên kiểm tra tình trạng lượng vi sinh	Bùn trắng nổi trên bề mặt, xen lẫn có bùn vi sinh bám trên mặt bọt - VSV bị chết	- Tắt sục khí để lắng và tiến hành bơm nước thải ra và bơm nước thải sạch vào bể SBR sục khí và để lắng, tiếp tục bơm nước ra
			Bùn nổi vẩn màu vàng trên bề mặt bể, lắng chậm - Bùn vi sinh hoạt tính bị mất, VSV thiếu thức ăn	- Tăng lưu lượng nước cần xử lý - Bổ sung thêm các chất hữu cơ tự nhiên cho VSV phát triển

**❖ Sự cố từ quá trình lưu trữ chất thải rắn**

Để phòng ngừa sự cố từ quá trình lưu trữ chất thải rắn, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí nhân viên vệ sinh thường xuyên thu gom rác từ các thùng chứa, vệ sinh các thùng sau khi thu gom để tránh phát sinh mùi hôi.
- Thu gom riêng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với các đơn vị chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định, không lưu chứa lâu tại khu vực Dự án.

- Khi có dự báo mưa lớn kéo dài phải nhanh chóng thu gom, vận chuyển chất thải rắn ra khỏi khu vực Dự án.

**❖ Các sự cố khác trong quá trình hoạt động của dự án**

Với hoạt động của Công ty thì khả năng xảy ra sự cố là không nhiều. Tuy nhiên nếu không có chương trình phòng ngừa và ứng phó hiệu quả thì các sự cố sẽ gây ảnh hưởng đến tính mạng con người và thiệt hại về kinh tế rất đáng kể. Một số dạng sự cố có nguy cơ xảy ra ở Công ty có thể liệt kê như sau:

➤ **Giảm thiểu sự cố cháy nổ:**

- Nguồn phát sinh:

Sự cố cháy, nổ có thể xảy ra do các nguyên nhân sau:

+ Cháy do sơ ý trong nấu nướng: nguyên nhân gây cháy trong khi nấu ăn tại khu nhà bếp có thể do người sử dụng bếp sơ ý để cháy thức ăn, hoặc bén lửa từ bếp sang các vật liệu dễ cháy khác trong Công ty.

+ Cháy do chập mạch điện.

+ Cháy do sét đánh.

+ Nổ bình gas có thể do bình gas không đạt tiêu chuẩn hoặc để rò rỉ gas từ ống dẫn gas.

+ Sự cố cháy, nổ có thể gây các tác động to lớn như:

▪ Thiêu cháy, mất mát hàng hóa, gây thiệt hại tài sản của chủ cơ sở.

▪ Phá hỏng, hư hại cơ sở hạ tầng, khuôn viên, mặt bằng Công ty, thiệt hại tài sản của chủ cơ sở.

▪ Có thể gây thiệt hại về người.

▪ Nếu không được kiểm soát, đám cháy từ một khu vực có thể lan ra toàn bộ khu trung tâm thương mại và cháy sang các gian hàng lân cận.

▪ Ảnh hưởng đến hoạt động tham quan, mua sắm, vui chơi giải trí của người dân trong Trung tâm thương mại Quy Nhơn.

– Biện pháp phòng ngừa:

**Công tác chuẩn bị:**

Ngay trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, chủ cơ sở đã chú trọng đến việc xây dựng các hạng mục công trình nhằm đảm bảo các điều kiện PCCC sau:

+ Quy mô – diện tích – bậc chịu lửa công trình;

+ Giao thông và khoảng cách an toàn PCCC;

+ Hệ thống thoát nạn – hệ thống điện;

+ Trang bị bình chữa cháy cầm tay;

+ Đồng thời quá trình Công ty hoạt động, Công ty đã lập phương án phòng cháy chữa cháy chữa cháy được cấp thẩm quyền phê duyệt và áp dụng các biện pháp phòng chống cháy nổ sau:

▪ Tăng cường công tác kiểm tra bố trí đủ, hợp lý các họng cứu hỏa, các hộp đều có hệ thống ống đủ dài để phục vụ cho công tác chữa cháy.

▪ Tại các khu vực kinh doanh sẽ trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy CO<sub>2</sub>,... và thường xuyên kiểm tra, vận hành thử các thiết bị này.

▪ Thường xuyên kiểm tra, bổ sung phương án PCCC, bổ sung, thay thế bình CO<sub>2</sub>, máy bơm, kiểm tra và thay thế hệ thống điện,...

+ Ngoài ra, hàng năm Công ty cũng đã bố trí cán bộ tập huấn kiến thức về PCCC.

*Khi có sự cố cháy nổ xảy ra:*

+ Người phát hiện cháy nổ hô hoán cho mọi người xung quanh và báo cho nhân viên Công ty biết. Hệ thống báo động thực hiện bằng còi, chuông điện,... Hệ thống chữa cháy tự động hoạt động không trễ hơn 5 phút khi có tín hiệu báo cháy.

+ Gọi số điện thoại khẩn cứu hỏa 114.

+ Ngăn chặn phạm vi cháy, hạn chế để ngọn lửa lan truyền từ khu vực này đến khu vực khác.

+ Giảm tác hại do cháy: khi cháy nhanh chóng đưa các chất có tính chất cháy được ra khỏi điểm cháy để giảm lượng chất có khả năng cháy, hạn chế tổn thất hàng hóa; sử dụng các phương tiện, thiết bị chữa cháy cố định và di động như: nước, bình khí CO<sub>2</sub>, bột và bột dập cháy, xe cứu hỏa, bể nước chữa cháy,...

➤ ***Sự cố mất vệ sinh an toàn thực phẩm:***

*Nguồn phát sinh:*

– Tại các khu vực kinh doanh mặt hàng lương thực, thực phẩm, khu ẩm thực phục vụ ăn uống và các điểm bán thực phẩm dạng rau, củ, quả, cá, thịt,... có thể xảy ra sự cố mất vệ sinh an toàn thực phẩm do:

+ Buôn bán hàng hóa không đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, các hàng hóa, nguồn thực phẩm, nước uống đã hết hạn hoặc quá date sử dụng; đặt biệt các nguồn thực phẩm tươi sống như thịt, cá, các sản phẩm có thời hạn sử dụng ngắn không kịp tiêu thụ,...

+ Các hàng tươi sống để lẫn với hàng đã nấu chín;

+ Thức ăn, nước uống không được che đậy kỹ;

+ Không đảm bảo vệ sinh khi chế biến thức ăn, nước uống...

– Đây là nguyên nhân gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, thậm chí có thể xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm, lây lan dịch bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

**Biên pháp phòng ngừa:**

Để hạn chế tối đa các ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của khách hàng, các biện pháp thực hiện là:

– Hàng hóa kinh doanh trong Công ty được niêm yết bảng giá; bán đúng giá, đảm bảo cân đúng, cân đủ, không mua bán hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đúng quy định về tem, nhãn, xuất xứ.

– Tăng cường và duy trì chế độ vệ sinh khu vực nấu bếp và pha chế đồ uống.

– Hàng hóa, thực phẩm được bố trí theo từng khu vực và từng loại mặt hàng, không để lẫn thực phẩm tươi sống với thức ăn đã qua chế biến.

– Kiểm tra định kỳ người chế biến thực phẩm và khu vực chế biến theo quy định.

➤ ***Sự cố rò rỉ nước thải, nước thải không đạt tiêu chuẩn xả thải***

**Nguồn phát sinh:**

- Trong quá trình thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể sẽ bị rò rỉ trên đường dẫn do nhiều nguyên nhân như ống bị vỡ, thùng hoặc các khớp nối không kín.

- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý chưa đạt tiêu chuẩn do công nhân vận hành không đúng kỹ thuật.

- Hệ thống xử lý sẽ phát hiện mùi làm ảnh hưởng đến hoạt động mua sắm tham quan giải trí của khách hàng trong Công ty.

- Sự cố đối với các thiết bị điện: trong quá trình vận hành nếu xảy ra bất kỳ sự cố nào về thiết bị điện thì hệ thống tự điều khiển chính sẽ tự động đóng mạch và thông báo sự cố bằng còi hú và đèn báo sự cố khẩn. Khi đó người vận hành nhấn ngay công tắc khẩn trên tủ điện điều khiển, tiếp theo mở cửa tủ để đóng cầu dao tổng trước khi kiểm tra các nguyên nhân gây sự cố, các sự cố có thể xảy ra như sau:

- + Sự cố đứt dây dẫn điện đến các thiết bị điện, chập mạch điện;
- + Sự cố quá tải đường dây dẫn điện đến các thiết bị điện;
- + Sự cố tắc nghẽn đường ống dẫn khí gây quá tải máy thổi khí;
- + Sự cố ngắn mạch các máy bơm,...

**Biên pháp phòng ngừa:**

- Kiểm tra chế độ vận hành theo thiết kế; sửa chữa kịp thời khi có sự cố. Công nhân vận hành thiết bị được đào tạo cơ bản và có kiến thức xử lý sự cố.

- Đối với các bơm chìm, bơm định lượng, máy thổi khí, chủ đầu tư chọn phương án hoạt động luân phiên dự phòng nên khi 1 thiết bị hỏng sẽ không làm dừng trạm xử lý nước thải.

- Hệ thống điều khiển tự động: trạm xử lý nước thải được thiết kế vận hành tự động, bán tự động và vận hành bằng tay trong trường hợp có sự cố, do vậy nếu hệ

thông điều khiển gặp sự cố, hệ thống vẫn có thể vận hành theo chế độ bán tự động hoặc điều khiển bằng tay.

- Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải mà vượt quá trình độ và khả năng của công nhân vận hành thì Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định phối hợp với các đơn vị có chuyên môn như Trung tâm phân tích và Kiểm nghiệm,...) để kịp thời khắc phục các sự cố, đảm bảo nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

➤ ***Sự cố mất an toàn lao động:***

*Nguồn phát sinh:*

Các hoạt động kinh doanh, mua bán tại Công ty rất ít khi xảy ra sự cố về an toàn lao động. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nếu không cẩn thận vẫn có thể xảy ra các tai nạn cho nhân viên Công ty và khách hàng do các nguyên nhân như:

- Các giá, kệ trưng bày sản phẩm đặt quá cao không được neo giữ cẩn thận hoặc không đảm bảo chất lượng (tuột đinh, ốc,...) có thể đổ sập làm hư hỏng hàng hóa và có thể tai nạn về người.

- Nhân viên sửa chữa các thiết bị điện có thể tai nạn do rò điện, bị điện giật.

- Các tai nạn khác trong khu chế biến thực phẩm như rò rỉ khí ga, bóng,... Tóm lại, các sự cố môi trường xảy ra bất ngờ, mức độ lớn khó lường, có thể gây thiệt hại đến tính mạng con người và tài sản của chủ đầu tư, ảnh hưởng lớn đến môi trường xã hội và sức khỏe cộng đồng.

*Biện pháp phòng ngừa*

Nhằm phòng ngừa các tai nạn có thể xảy ra đối với nhân viên và khách hàng đến Công ty, chúng tôi thực hiện các biện pháp sau:


– Ban hành nội quy làm việc cho nhân viên toàn Công ty, đảm bảo an toàn cho cá nhân và khách hàng đến mua sắm. Có ý thức chấp hành nghiêm túc các nội quy đã đề ra, nếu sai phạm Công ty có biện pháp xử lý, thậm chí buộc thôi việc.

– Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị, tránh rò rỉ; các kệ hàng đặt ngay ngắn, giữ thăng bằng tốt, được neo giữ cố định.

– Vô thiết bị của hệ thống làm lạnh được nối đất và kiểm tra trước khi vận hành.

## **7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC**

➤ ***Giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông vận tải***

 *Nguồn phát sinh*

Cùng với hoạt động lưu thông trên tuyến đường Nguyễn Tất Thành, Lê Duẩn, Trần Thị Kỳ,... sự hoạt động của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định tại phường Lý Thường Kiệt sẽ kéo theo việc gia tăng mật độ xe trong khu vực vì hầu hết người dân sử dụng xe máy phục vụ cho việc đi lại. Sự gia tăng mật độ xe sẽ gây ra một số tác động xấu như:



- Ách tách giao thông, đi lại khó khăn;
- Có thể xảy ra các tai nạn giao thông;
- Tăng lượng bụi, khí thải, tiếng ồn vào môi trường không khí khu vực;
- Giảm thiểu chất lượng đường xá.

**🚦 Biện pháp xử lý**

Việc gia tăng lượng xe đi lại trên các tuyến đường vào Công ty là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, chủ đầu tư thực hiện một số giải pháp khả thi sau:

- Công trình được thiết kế 3 cổng (2 cổng chính ở tuyến đường Nguyễn Tất Thành và Trần Thị Kỷ, 1 cổng phụ ở tuyến đường Lê Duẩn), tiện lợi cho khách hàng ra vào tham quan mua sắm và các xe vận chuyển hàng hóa ra vào Công ty tránh tắc nghẽn gây tai nạn giao thông ảnh hưởng đến hoạt động tại Công ty. Ngoài ra diện tích sân chờ gửi xe rộng đảm bảo tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông.

- Có biển báo hạn chế tốc độ khi vào Công ty.

**8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHI TIẾT CỦA CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP BÌNH ĐỊNH**

Trong quá trình triển khai xây dựng và đi vào hoạt động, Công ty có thay đổi một số nội dung so với Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định số 3571/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của UBND tỉnh Bình Định. Những nội dung thay đổi như sau:

*Bảng 3.5. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết*

TT	Hạng mục	Phương án đề xuất trong đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Phương án điều chỉnh, đã thực hiện	Lý do điều chỉnh
1	Phương án thu gom và xử lý nước thải	Các nguồn nước thải phát sinh được hệ thống thu gom về XLNT tập trung gồm 4 nguồn: + Nước thải sinh hoạt + Nước thải từ bếp ăn + Nước thải từ khu chế biến thực phẩm + Nước thải vệ sinh sàn nhà	Các nguồn nước thải phát sinh được hệ thống thu gom về XLNT tập trung gồm 3 nguồn: + Nước thải từ bếp ăn + Nước thải từ khu chế biến thực phẩm + Nước thải vệ sinh sàn nhà	Nước thải sinh hoạt của siêu thị sẽ do Trung tâm thương mại thu gom, xử lý (đã được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê mặt bằng)
2	Hóa chất	Sử dụng chlorine	Sử dụng nước javen	Việc thay đổi

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường  
Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định – Co.opmart Quy Nhơn

---

	khử trùng nước thải			hóa chất khử trùng không làm ảnh hưởng đến hiệu suất xử lý nước thải
--	---------------------------	--	--	---

**CHƯƠNG IV**  
**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

**1.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải**

- Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ bếp ăn.
- + Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ khu chế biến thực phẩm.
- + Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ việc vệ sinh sàn nhà.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: nước thải từ các nguồn phát sinh được thu gom với tỷ lệ 100% vào hệ thống thu gom nước thải của Cơ sở sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý với công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Công ty xin đề nghị cấp phép với lưu lượng xả thải tối đa là 50m<sup>3</sup>/ngày.đêm (theo thiết kế của hệ thống).

- Dòng nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi qua hệ thống xử lý nước thải (công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày), nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn sẽ được đầu nối thoát nước vào hố ga trước cổng ra vào số 07 đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải là QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k = 1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

*Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục
2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
7	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
8	Sunfua	mg/l	4,8		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

+ Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: hố ga trước cổng ra vào số 07 đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn.

+ Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $108^0$ , múi chiều  $3^0$ ): X = 1.522.791; Y = 604.806.

+ Phương thức xả nước thải: bơm cưỡng bức.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

## 1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

### 1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

- Nước thải từ bếp ăn sau khi được tách mỡ sơ bộ được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ khu chế biến thực phẩm được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải vệ sinh sàn nhà được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE D300 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

- Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hoà → Bể lên men (bổ sung giá thể Bio Block) → Cụm bể hiếu khí (bổ sung giá thể Bio Block) → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra (Đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, k=1,2) → Cổng thoát nước thành phố.

- Quy trình vận hành: hệ thống xử lý được vận hành tự động, liên tục.

- Công suất thiết kế: hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen.

### **1.2.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đường ống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải, thường xuyên kiểm tra và giám sát các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải. Bố trí nhân viên theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với sự cố trong hệ thống xử lý nước thải: sử dụng tín hiệu báo sự cố khi có sự cố xảy ra, sử dụng bơm nước thải dự phòng khi bị cháy bơm; tạm dừng xả thải và thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải trong thời gian khắc phục sự cố. Đồng thời, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND phường Lý Thường Kiệt, UBND thành phố Quy Nhơn, để phối hợp quản lý và hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

### **1.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

– Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Bảng 4.1 trước khi đầu nối vào tuyến thoát nước chung của thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

– Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.

– Thường xuyên kiểm tra, giám sát mạng lưới thu gom nước thải nhằm phát hiện kịp thời, sửa chữa, khắc phục và tránh việc để nước thải chưa qua xử lý đạt giá trị cho phép chảy tràn ra môi trường xung quanh; tổ chức khơi thông, nạo vét chất thải định kỳ đảm bảo việc lưu thông, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động thường xuyên, liên tục có hiệu quả; nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép xả thải vào nguồn tiếp nhận phải thực hiện theo đúng phương thức xả thải và vị trí được cấp phép.

– Báo cáo cơ quan có chức năng và xử lý kịp thời khi có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

## **2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

### **2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn phát sinh: từ hoạt động của các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải tập trung.

### **2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải đặt ngầm phía Tây Cơ sở, tọa độ X = 1.522.778, Y = 604.867.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $108^0$ , múi chiếu  $3^0$ )

### 2.3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu:

#### 2.3.1. Tiếng ồn

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

#### 2.3.2. Độ rung

Độ rung không vượt qua giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

### 2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.
- Nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải, nơi đặt các thiết bị, máy móc phải được gia cố nền bê tông chắc chắn để giảm tiếng ồn, độ rung.

### 3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

- Không.

### 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

- Không.

## CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải năm 2022 và năm 2023 của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Quy Nhơn được tổng hợp như sau:

*Bảng 5. 1. Tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ các quý năm 2022 và 2023*

TT	Thông số	Đơn vị tính	Năm 2022				Năm 2023				QCVN 14:2008/BTN, cột B, $C_{max}=C \times k$ (k=1,2)
			Quý I/2022	Quý II/2022	Quý III/2022	Quý IV/2022	Quý I/2023	Quý II/2023	Quý III/2023	Quý IV/2023	
1	pH		7,40	8,17	7,65	7,77	7,75	7,56	7,51	7,26	5-9
2	TSS	mg/L	KPH	3,5	8,5	2,0	7,0	9,5	2,0	11,5	120
3	COD		8,11	20,7	24,0	11,2	19,1	22,2	20,6	22,2	-
4	BOD <sub>5</sub>		4,0	14	14	7,7	11	13	12	16	60
5	N tổng số		4,48	5,16	4,49	4,60	4,26	4,49	4,37	5,61	60
6	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)		KPH	<1,0	KPH	KPH	<1,0	<1,0	<1,0	<1,0	12
7	P tổng số		1,69	1,32	1,17	0,915	2,37	2,62	5,67	4,44	12
8	Dầu mỡ động thực vật		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	24
9	Coliform		MPN/100 ml	$2,4 \times 10^2$	$4,6 \times 10^3$	$4,6 \times 10^3$	$4,6 \times 10^3$	$1,1 \times 10^3$	$4,6 \times 10^3$	$2,4 \times 10^3$	$9,3 \times 10^1$

*(Nguồn: Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định)*

Nhận xét: Từ Bảng 5.1, kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý qua các kỳ quan trắc năm 2022 và năm 2023 của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Quy Nhơn có các thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, (cột B, k=1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải**

Không

**5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với chất thải rắn**

Có báo cáo kết quả quan trắc đính kèm phụ lục

**5.4. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo**

Không



## **CHƯƠNG VI**

### **CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Dự án không vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

#### **2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

Căn cứ Điều 97 và mục 3, cột (5) Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đối với Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP, có lưu lượng xả nước thải của Dự án nhỏ hơn  $500 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$  thì sẽ không phải thực hiện chương trình quan trắc chất thải tự động, liên tục và định kỳ.

Vậy, với tổng lượng nước thải phát sinh của Dự án là  $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ , Dự án sẽ không thực hiện chương trình quan trắc chất thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định.

**CHƯƠNG VII**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**CƠ SỞ**

Trong năm 2022 và 2023 Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định chưa có hoạt động kiểm tra, thanh tra về môi trường đối với Cơ sở.

## **CHƯƠNG VIII**

### **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Chủ đầu tư cam kết thực hiện đúng các nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án sau khi được phê duyệt, đồng thời cam kết:

- Cam kết tuân thủ nghiêm Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định khác có liên quan tới các tiêu chuẩn, các quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam về môi trường.

- Các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường đã được đưa ra và kiến nghị trong báo cáo là những biện pháp khả thi, có thể đảm bảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Do đó Chủ đầu tư cam kết sẽ áp dụng thực hiện trong suốt quá trình đầu tư hoạt động của dự án, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về quản lý môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường tại dự án.

- Cam kết sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý, không chể ô nhiễm để kịp thời điều chỉnh mức độ ô nhiễm nhằm đạt các quy chuẩn và tiêu chuẩn môi trường theo quy định và phòng ngừa hiệu quả các sự cố môi trường.

- Ưu tiên đảm bảo kinh phí cho công tác quản lý, quan trắc, giám sát, tập huấn, cập nhật, báo cáo,... về công tác môi trường theo quy định.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường, thực hiện đúng chế độ báo cáo như đã nêu. Đảm bảo các nguồn thải phát sinh do hoạt động của Dự án nằm trong phạm vi của các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Chủ dự án cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Cam kết phân loại rác tại nguồn và ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để định kỳ trong ngày vận chuyển rác đem đi xử lý đúng nơi quy định.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN;
2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG;
3. CÁC SƠ ĐỒ BẢN VẼ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN.